

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11 /VTQ

Quảng Trị, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Mã chứng khoán: **VTQ**

Trụ sở chính: Tổ dân phố 3, xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Điện thoại: 0232 3796 003

Fax: 0232 3976060

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hải Thanh**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

**Nội dung công bố thông tin:**

Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

**Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình tại đường dẫn: <http://www.viettrungqb.com.vn/>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



**Người thực hiện công bố thông tin**

**Nguyễn Hải Thanh**

Số: **55** /VTQ

*Quảng Trị, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình**

- Mã chứng khoán: VTQ
- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0232.3796003
- Email: [viетtrung.qb@gmail.com](mailto:viетtrung.qb@gmail.com) - Website: [www.viettrungqb.com.vn/](http://www.viettrungqb.com.vn/)

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC kiểm toán năm 2025
  - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/3/2026 tại đường dẫn: [www.viettrungqb.com.vn/](http://www.viettrungqb.com.vn/)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin đã công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

BCTC kiểm toán năm 2025.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phan Văn Thành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 31



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

**Chức vụ**

Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/09/2025)
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Sơn Phong	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/09/2025)

**Ban Kiểm soát**

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/09/2025)
Ông Trần Duy Hà	Thành viên
Ông Võ Phi Xuân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/09/2025)

**Ban Giám đốc**

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2025)
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Sơn Phong	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08/09/2025)

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Phan Văn Thành**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026



Số: 033001/2026/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026 từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp và năm tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 37.191.542.190 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 34.566.641.101 đồng). Lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 45.079.710.124 đồng (lỗ lũy kế đến ngày 01/01/2025 là 51.434.030.126 đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Lê Quốc Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3384-2025-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Dư Thị Kiều Anh.

**Dư Thị Kiều Anh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5193-2025-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.978.835.602</b>	<b>35.371.642.036</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.035.890.891</b>	<b>6.286.019.414</b>
1. Tiền	111	V.1	13.035.890.891	6.286.019.414
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.339.872.689</b>	<b>15.423.271.688</b>
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.3	15.798.961.032	14.951.881.292
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		380.075.127	479.013.714
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.940.067.171	11.741.148.278
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(11.779.230.641)	(11.748.771.596)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>16.562.297.770</b>	<b>13.607.704.162</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.590.316.992	13.637.223.384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.019.222)	(29.519.222)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.774.252</b>	<b>54.646.772</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.706.790	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	11.067.462	54.646.772
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>179.817.525.139</b>	<b>162.567.932.740</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>129.000.645.576</b>	<b>117.445.332.533</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	129.000.645.576	117.445.332.533
- Nguyên giá	222		266.353.306.343	247.197.896.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.352.660.767)	(129.752.563.559)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27.965.447.496</b>	<b>25.315.470.616</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	27.965.447.496	25.315.470.616
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>22.090.138.038</b>	<b>18.998.319.496</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	81.840.000.000	81.840.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(60.749.861.962)	(63.841.680.504)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	255	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>761.294.029</b>	<b>808.810.095</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		761.294.029	808.810.095
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>221.796.360.741</b>	<b>197.939.574.776</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>87.926.690.100</b>	<b>70.424.224.137</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79.170.377.792</b>	<b>69.938.283.137</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.002.773.238	14.643.156.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.546.400	237.278.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	1.538.929.831	405.339.868
4. Phải trả người lao động	314		8.322.649.401	8.037.497.235
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		325.390.318	149.640.115
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		920.000.000	161.223.103
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	5.954.503.417	2.889.306.766
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	45.428.925.180	39.227.945.611
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.476.660.007	4.186.895.607
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.756.312.308</b>	<b>485.941.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	492.000.000	292.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	8.264.312.308	193.941.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>133.869.670.641</b>	<b>127.515.350.639</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>133.189.670.641</b>	<b>126.835.350.639</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	7.451.470.765
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(45.079.710.124)	(51.434.030.126)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(51.434.030.126)	(55.401.699.363)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.354.320.002	3.967.669.237
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>221.796.360.741</b>	<b>197.939.574.776</b>



Phan Hữu Bằng  
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		110.782.461.920	121.995.391.855
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	110.782.461.920	121.995.391.855
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.090.878.884	95.193.847.739
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.691.583.036	26.801.544.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	71.921.744	75.364.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	192.892.370	12.709.095.178
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.284.710.912	3.611.924.358
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	241.000.000	294.636.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.743.068.297	10.469.732.008
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.586.544.113	3.403.444.995
11. Thu nhập khác	31	VI.7	298.552.389	585.571.050
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.530.776.500	21.346.808
13. Lợi nhuận khác	40		(1.232.224.111)	564.224.242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.354.320.002	3.967.669.237
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.354.320.002	3.967.669.237
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	372	232
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	372	232

Phan Hữu Bằng  
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.354.320.002</b>	<b>3.967.669.237</b>
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.583.648.194	8.137.149.492
Các khoản dự phòng	03	(3.062.859.497)	9.043.927.481
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.446.587.802	(103.379.604)
Chi phí lãi vay	06	3.284.710.912	3.611.924.358
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>	<b>08</b>	<b>16.606.407.413</b>	<b>24.657.290.964</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.835.208.173	(11.059.361.769)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.954.593.608)	(336.673.421)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	3.055.364.883	11.512.877.114
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	17.809.276	167.600.241
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.108.960.709)	(3.656.623.628)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.451.235.428</b>	<b>21.285.109.501</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(24.603.575.269)	(9.947.478.003)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.561.111.300	32.407.408
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.749.141	71.938.038
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.972.714.828)</b>	<b>(9.843.132.557)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	74.149.855.126	58.139.609.598
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.878.504.249)	(67.032.366.777)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>14.271.350.877</b>	<b>(8.892.757.179)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>6.749.871.477</b>	<b>2.549.219.765</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.286.019.414	3.736.799.649
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.035.890.891	6.286.019.414



**Phan Hữu Bằng**  
Người lập biểu



**Phan Hữu Bằng**  
Kế toán trưởng




**Phan Văn Thành**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 09 năm 2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là nông nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.
- ...

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình có trụ sở chính tại Tiểu khu Hữu Nghị, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam (nay là TDP Hữu Nghị, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị). Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chăn nuôi trâu, bò. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 27,28%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Gỗ Phú Quý, địa chỉ tại Tiểu khu 7, phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay thuộc TD7 Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị).

**6. Nhân viên**

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 525 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 525 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, giá vốn và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 37.191.542.190 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 34.566.641.101 đồng). Trong năm 2025, Công ty có lãi là 6.354.320.002 đồng và giảm lỗ lũy kế, dẫn đến lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31/12/2025 là 45.079.710.124 đồng (lỗ lũy kế ngày 01/01/2025 là 51.434.030.126 đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên việc trong năm 2025 có lãi 6.354.320.002 đồng, cho thấy Công ty đang có những bước tiến khởi sắc hơn từ các phương án kinh doanh hiệu quả. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Cụ thể:

- + Sắp xếp nhân sự các phòng ban bộ phận quản lý tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.
- + Nâng cao sản lượng khai thác mủ cao su.
- + Đầu tư cây cao su trồng mới
- + Mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất từ gỗ tại nhà máy gỗ Phú Quý.
- + Tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động hợp tác kinh doanh với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trồng xen canh các loại cây ngắn ngày tại các địa điểm cây cao su già hết sản lượng khai thác đã thanh lý chưa trồng mới.
- + Đầu tư lò sấy chế biến mủ cao su giúp nâng cao chất lượng mủ thành phẩm; đồng thời cho phép thay thế nhiên liệu theo hướng tối ưu chi phí, góp phần tiết kiệm chi phí đầu vào, giảm chi phí nhân công và hạn chế tổn thất trong quá trình chế biến; qua đó nâng cao khả năng tiêu thụ và giá bán sản phẩm, cải thiện biên lợi nhuận và dòng tiền hoạt động của Công ty.
- + ....

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.503.258.993	1.285.581.376
Tiền gửi ngân hàng	11.532.631.898	5.000.438.038
<b>Cộng</b>	<b>13.035.890.891</b>	<b>6.286.019.414</b>

**2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

Khoản đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn của trái phiếu là 10 năm với lãi suất thả nổi hoặc bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 1,3%/năm. Ngày phát hành và ngày đáo hạn của trái phiếu lần lượt là ngày 30/10/2023 và ngày 30/10/2033.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	9.442.985.568
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp	1.042.437.875	-
Công ty TNHH Phát triển An Đức	172.800.000	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	5.140.737.589	5.508.895.724
<b>Cộng</b>	<b>15.798.961.032</b>	<b>14.951.881.292</b>
<b>Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>9.442.985.568</b>	<b>9.442.985.568</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh VII.2 - Bên liên quan)</i>		

**4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	5.471.020.474	8.133.692.961
Phải thu khác	2.469.046.697	3.607.455.317
<u>Trong đó:</u>		
Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB (Dự án xay dăm)	-	1.047.142.842
<i>Phải thu từ các cá nhân trồng sắn</i>	<i>1.052.100.000</i>	<i>1.052.100.000</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.416.946.697</i>	<i>1.508.212.475</i>
<b>Cộng</b>	<b>7.940.067.171</b>	<b>11.741.148.278</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.948.094.366	84.524.800	9.863.569.566	10.050.565.366
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	-	9.442.985.568	9.442.985.568
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	-
Đối tượng khác	329.593.798	84.524.800	245.068.998	432.064.798
Phải thu ngắn hạn khác	1.873.464.566	2.534.741	1.870.929.825	1.939.402.466
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	-
Bà Phan Thị Vân	60.877.129	-	60.877.129	-
Đối tượng khác	1.746.617.856	2.534.741	1.744.083.115	1.812.555.756
Trả trước cho người bán	73.659.500	28.928.250	44.731.250	15.803.000
Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	57.856.500	28.928.250	28.928.250	-
Viện tin học Doanh nghiệp	8.000.000	-	8.000.000	-
Đối tượng khác	7.803.000	-	7.803.000	-
Cộng	11.895.218.432	115.987.791	11.779.230.641	12.005.770.832
				256.999.236
				11.748.771.596

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	345.679.713	-	944.651.325	-
Công cụ, dụng cụ	124.269.422	-	137.939.490	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.122.466.478	-	11.253.831.115	-
Thành phẩm	2.029.631.120	(15.238.313)	1.280.928.122	(14.829.222)
Hàng hóa	968.270.259	(12.780.909)	19.873.332	(14.690.000)
Cộng	16.590.316.992	(28.019.222)	13.637.223.384	(29.519.222)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ									
Số đầu năm	106.933.210.593	21.407.889.733	5.528.592.893	1.807.652.327	108.811.516.157	2.709.034.389			247.197.896.092
Mua trong năm	-	64.819.000	-	-	-	-			64.819.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.025.838.593 (281.178.940)	13.383.299.395 186.927.273	-	-	3.479.641.401	-			21.888.779.389
Phân loại lại			94.251.667	102.640.000	-	(102.640.000)			-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(509.532.727)	-	-			(2.798.188.138)
Số cuối năm	111.677.870.246	35.042.935.401	5.622.844.560	1.400.759.600	110.002.502.147	2.606.394.389			266.353.306.343
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số đầu năm	78.112.344.242	17.835.304.124	5.127.014.975	1.742.499.747	26.027.878.660	907.521.811			129.752.563.559
Khấu hao trong năm	1.985.514.123 (185.887.933)	888.547.886 151.180.207	88.994.314 29.366.945	29.159.503 61.763.463	5.444.358.432 (21.086.240)	147.073.936 (35.336.442)			8.583.648.194
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(509.532.727)	-	-			(983.550.986)
Số cuối năm	79.911.970.432	18.875.032.217	5.245.376.234	1.323.889.986	30.977.132.593	1.019.259.305			137.352.660.767
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Số đầu năm	28.820.866.351	3.572.585.609	401.577.918	65.152.580	82.783.637.497	1.801.512.578			117.445.332.533
Số cuối năm	31.765.899.814	16.167.903.184	377.468.326	76.869.614	79.025.369.554	1.587.135.084			129.000.645.576

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.843.203.595 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 54.562.787.098 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 59.623.741.793 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 39.428.404.292 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cao su trồng năm 2018	7.542.922.481	6.626.997.645
Cao su trồng năm 2022	11.055.568.118	9.410.233.434
Cao su trồng năm 2023	3.646.337.269	2.756.645.376
Cây xoài keo trồng năm 2021	-	1.670.935.777
Khác	5.720.619.628	4.850.658.384
<b>Cộng</b>	<b>27.965.447.496</b>	<b>25.315.470.616</b>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty đều là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát đều là 27,28%.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình với số tiền là 60.749.861.962 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 63.841.680.504 đồng).

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hưng	3.413.028.780	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	1.844.936.000	-
Hộ kinh doanh Hoàng Thị Vân	1.523.303.740	-
Hộ kinh doanh Đặng Hồng Ninh	-	8.912.414.038
Phải trả nhà cung cấp khác	6.221.504.718	5.730.742.394
<b>Cộng</b>	<b>13.002.773.238</b>	<b>14.643.156.432</b>
<b>Trong đó phải trả người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết xem thuyết minh VII.2 - Bên liên quan)	<b>1.844.936.000</b>	<b>-</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	11.067.462	93.515.630	49.936.320	54.646.772
<b>Cộng</b>	<b>11.067.462</b>	<b>93.515.630</b>	<b>49.936.320</b>	<b>54.646.772</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.107.775.370	7.203.836.027	6.501.400.525	405.339.868
Thuế tài nguyên	262.511.071	787.817.242	525.306.171	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.147.485.703	1.147.485.703	-
Thuế bảo vệ môi trường	168.374.448	480.194.726	311.820.278	-
Các loại thuế khác	268.942	9.550.578	9.281.636	-
<b>Cộng</b>	<b>1.538.929.831</b>	<b>9.628.884.276</b>	<b>8.495.294.313</b>	<b>405.339.868</b>

**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	470.042.927	846.029.167
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.484.460.490	2.043.277.599
Trong đó		
- Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB (Dự án xay dăm) (*)	2.866.679.119	-
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	234.853.000	634.853.000
- Lãi chậm trả tiền hàng	846.318.300	846.318.300
- Phải trả khác	1.536.610.071	562.106.299
<b>Cộng</b>	<b>5.954.503.417</b>	<b>2.889.306.766</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	492.000.000	292.000.000
<b>Cộng</b>	<b>492.000.000</b>	<b>292.000.000</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

- (\*) Phải trả khác Công ty TNHH Hiếu Đại Phát là khoản phải trả về hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất ngành gỗ (gỗ dăm) tại Phân xưởng nguyên liệu - Chi nhánh gỗ Phú Quý thuộc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/VT-HĐP ngày 20 tháng 05 năm 2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {i}	26.415.543.103	VND	37.042.664.971	VND	23.210.109.624	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {ii}	13.939.441.077	VND	23.942.877.847	VND	10.219.286.560	VND
Vay cá nhân {iii}	4.900.000.000	VND	4.900.000.000	VND	5.435.000.000	VND
Cộng vay ngắn hạn	45.254.984.180	VND	65.885.542.818	VND	38.864.396.184	VND
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.14)	173.941.000	VND			363.549.427	VND
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	45.428.925.180	VND			39.227.945.611	VND
Trong đó: Vay và nợ thuế tài chính là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)	-	VND			800.000.000	VND

- {i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức 804007153299/2025-HĐCVHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 28/05/2025, tổng mức dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 27.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 28/05/2025 đến 28/05/2026, thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty, máy móc thiết bị chế biến mù cao su, vườn cây cao su trồng từ năm 2011 trở về trước..
- {ii} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/525381/HĐTD ngày 27/12/2024. Tổng hạn mức được cấp tối đa là 16.500.000.000 đồng, thời hạn cấp 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị tại Chi nhánh gỗ Phú Quý của Công ty.
- {iii} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 7,9% đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

4-13  
H  
OÀN  
T



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {i}	8.438.253.308	VND	8.264.312.308	VND	504.380.127	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	-	-	-	-	53.110.300	53.110.300
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.438.253.308	8.438.253.308	8.264.312.308	383.549.427	557.490.427	557.490.427
Vay dài hạn đến hạn trả	(173.941.000)	(173.941.000)			(363.549.427)	(363.549.427)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(173.941.000)	(173.941.000)			(310.439.127)	(310.439.127)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	-	-			(53.110.300)	(53.110.300)
Cộng	8.264.312.308	8.264.312.308			193.941.000	193.941.000

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 805004607384/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 1.285.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo nhà trù sở và khuôn viên công ty".

Hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su.

Hợp đồng tín dụng số 804007156532/2025-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 28/05/2025, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 13.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thực hiện dự án xây dựng dây chuyền công nghệ cao nhà máy mù cao su, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là nhà xưởng và hệ thống PCCC nhà máy chế biến cao su Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	173.941.000	363.549.427
Trong năm thứ hai	-	193.941.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.264.312.308	-
<b>Cộng</b>	<b>8.438.253.308</b>	<b>557.490.427</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	173.941.000	363.549.427
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>8.264.312.308</b>	<b>193.941.000</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	170.817.910.000	7.451.470.765	(55.401.699.363)	122.867.681.402
Lãi trong năm	-	-	3.967.669.237	3.967.669.237
Số dư đầu năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	(51.434.030.126)	126.835.350.639
Lãi trong năm	-	-	6.354.320.002	6.354.320.002
Số dư cuối năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	(45.079.710.124)	133.189.670.641

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	10.581.461	10.581.461
Ông Lê Vũ Thành	3.239.230	3.239.230
Bà Nguyễn Thị Hải	1.000.000	1.000.000
Các cá nhân khác	2.261.100	2.261.100
<b>Cộng</b>	<b>17.081.791</b>	<b>17.081.791</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	103.999.087.573	116.318.538.281
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.399.807.187	4.628.541.486
Doanh thu khác	383.567.160	1.048.312.088
<b>Cộng</b>	<b>110.782.461.920</b>	<b>121.995.391.855</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	89.883.942.177	94.668.946.782
Giá vốn khác	1.208.436.707	525.611.846
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(1.500.000)	(710.889)
<b>Cộng</b>	<b>91.090.878.884</b>	<b>95.193.847.739</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.949.141	6.438.038
Lãi thu từ trái phiếu	61.972.603	68.926.027
<b>Cộng</b>	<b>71.921.744</b>	<b>75.364.065</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.284.710.912	3.611.924.358
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	(3.091.818.542)	9.097.170.820
<b>Cộng</b>	<b>192.892.370</b>	<b>12.709.095.178</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua ngoài	236.000.000	262.500.000
Chi phí bằng tiền khác	5.000.000	32.136.000
<b>Cộng</b>	<b>241.000.000</b>	<b>294.636.000</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	6.058.752.584	6.500.048.246
Chi phí khấu hao	594.395.628	590.287.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	201.848.689	243.763.789
Thuế phí và lệ phí	1.500.418.379	668.187.781
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	30.459.045	(52.532.450)
Chi phí mua ngoài	2.271.523.302	755.286.178
Chi phí bằng tiền khác	1.085.670.670	1.764.691.335
<b>Cộng</b>	<b>11.743.068.297</b>	<b>10.469.732.008</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****7. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng	152.253.562	470.731.400
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	28.015.539
Thu nhập khác	146.298.827	86.824.111
<b>Cộng</b>	<b>298.552.389</b>	<b>585.571.050</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	1.412.663	21.346.808
Thanh lý tài sản cố định	1.518.509.546	-
Các khoản khác	10.854.291	-
<b>Cộng</b>	<b>1.530.776.500</b>	<b>21.346.808</b>

**9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.354.320.002	3.967.669.237
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên	6.354.320.002	3.967.669.237
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>372</b>	<b>232</b>

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.462.189.217	49.529.954.349
Chi phí nhân công	36.130.784.312	42.865.214.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.535.319.094	8.137.149.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.481.258.453	9.268.283.306
Chi phí khác bằng tiền	1.008.371.887	3.285.851.664
<b>Cộng</b>	<b>81.617.922.963</b>	<b>113.086.453.639</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su, Bộ phận kinh doanh gỗ, Bộ phận kinh doanh dăm và Bộ phận kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mủ cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.
- Bộ phận kinh doanh Dăm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ dăm
- Bộ phận kinh doanh khác: Cho thuê đất và hạ độ cao, cải tạo mặt bằng.

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025:

	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động Kinh doanh Dăm gỗ		Hoạt động Kinh doanh khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Số cuối năm		Số cuối năm		Số cuối năm		Số cuối năm		Số cuối năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản												
Tài sản bộ phận	6.573.488.764	15.027.504.464	2.528.626.218	-	-	10.208.966.624	-	-	-	-	34.338.586.070	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	187.457.774.671	187.457.774.671	187.457.774.671	187.457.774.671
Tổng tài sản	6.573.488.764	15.027.504.464	2.528.626.218	2.528.626.218	2.528.626.218	10.208.966.624	187.457.774.671	221.796.360.741				
Nợ phải trả												
Nợ phải trả bộ phận	11.861.178.378	1.342.141.260	3.413.028.780	-	-	-	-	-	-	-	16.616.348.418	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	71.310.341.682	71.310.341.682	71.310.341.682	71.310.341.682
Tổng nợ phải trả	11.861.178.378	1.342.141.260	3.413.028.780	3.413.028.780	3.413.028.780	-	-	-	71.310.341.682	87.926.690.100		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2025

	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động kinh doanh Dăm gỗ		Hoạt động kinh doanh khác		Loại trừ		Tổng cộng
	Số đầu năm	VND	Số đầu năm	VND	Số đầu năm	VND	Số đầu năm	VND	Số đầu năm	VND	
Tài sản											
Tài sản bộ phận	3.620.395.156		15.209.237.388		1.047.142.842		10.208.966.624		-		30.085.742.010
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		167.853.832.766		167.853.832.766
Tổng tài sản	3.620.395.156		15.209.237.388		1.047.142.842		10.208.966.624		167.853.832.766		197.939.574.776
Nợ phải trả											
Nợ phải trả bộ phận	13.279.781.681		1.600.653.151		-		-		-		14.880.434.832
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		55.543.789.305		55.543.789.305
Tổng nợ phải trả	13.279.781.681		1.600.653.151		-		-		55.543.789.305		70.424.224.137

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

Doanh thu	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động kinh doanh Dăm gỗ		Hoạt động kinh doanh khác		Loại trừ		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	53.387.487.500		14.738.915.115		35.872.684.958		6.783.374.347		-		110.782.461.920
Tổng Doanh thu	53.387.487.500		14.738.915.115		35.872.684.958		6.783.374.347		-		110.782.461.920
Khấu hao và chi phí phân bổ	50.232.114.185		14.770.007.774		35.801.007.586		2.271.817.636		-		103.074.947.181
Kết quả kinh doanh											
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.155.373.315		(31.092.659)		71.677.372		4.511.556.711		-		7.707.514.739
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.155.373.315		(31.092.659)		71.677.372		4.511.556.711		-		7.707.514.739
Doanh thu từ các khoản đầu tư											71.921.744
Lãi (lỗ) khác											(1.232.224.111)
Chi phí tài chính											(192.892.370)
Lợi nhuận trước thuế											6.354.320.002
Chi phí thuế TNDN											-
Lợi nhuận trong năm											6.354.320.002



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động kinh doanh Dăm gỗ		Hoạt động kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND			
Doanh thu									VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	69.038.040.000	19.809.716.788	27.470.781.493	5.676.853.574	-	121.995.391.855			
Tổng Doanh thu	69.038.040.000	19.809.716.788	27.470.781.493	5.676.853.574	-	121.995.391.855			
Khấu hao và chi phí phân bổ	58.732.020.741	19.332.810.423	27.422.715.254	1.154.391.328	(683.722.000)	105.958.215.747			
Kết quả kinh doanh									
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.306.019.259	476.906.365	48.066.239	4.522.462.246	683.722.000	16.037.176.108			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.306.019.259	476.906.365	48.066.239	4.522.462.246	683.722.000	16.037.176.108			
Doanh thu từ các khoản đầu tư						75.364.065			
Lãi (lỗ) khác						564.224.242			
Chi phí tài chính						(12.709.095.178)			
Lợi nhuận trước thuế						3.967.669.237			
Chi phí thuế TNDN						-			
Lợi nhuận trong năm						3.967.669.237			

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan**Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình  
Công ty Cổ phần TAMICO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**Công ty liên kết  
Cổ đông lớn của Công ty (Ông Lê Vũ Thành) là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TAMICO  
Lãnh đạo chủ chốt*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>9.442.985.568</b>	<b>9.442.985.568</b>
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	9.442.985.568
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>1.844.936.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	1.844.936.000	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>-</b>	<b>800.000.000</b>
Ông Dương Chí Bình	-	800.000.000

*Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	357.000.000	385.495.500
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc, Thành viên HĐQT	319.800.000	341.774.900
Ông Phạm Xuân Thành - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	117.350.000	308.574.400
Nguyễn Sơn Phong - Phó giám đốc, Thành viên hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 12/09/2025)	93.600.000	-
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	293.220.000	308.574.400
Ông Phan Hữu Bằng - Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	293.220.000	308.574.400
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát	293.220.000	308.574.400
<b>Cộng</b>	<b>1.791.410.000</b>	<b>1.985.568.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký 312 hợp đồng thuê đất trả tiền hằng năm trong đó:

- 01 (Một) hợp đồng thuê 40.133 m<sup>2</sup> có thời hạn thuê từ ngày 21/03/2003 đến ngày 11/02/2033.
- 311 (Ba trăm mười một) hợp đồng thuê 22.065.435,8 m<sup>2</sup> có thời hạn thuê từ ngày 29/12/2017 đến ngày 15/10/2043. Tổng diện tích đất thuê là 22.105.568,8 m<sup>2</sup>.

**4. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

**5. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.



Phan Hữu Bằng  
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 30 tháng 03 năm 2026